

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	189.760.000	2.780.000	186.980.000	46.834.818,55	7.543.526,95	39.291.291,60	24,68	250,00	21,01
	<i>Trong đó Tiết kiệm chi 10%</i>				-					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	90.235.000		90.235.000	17.560.869,95	2.232.638	15.328.231,95	19,46		16,99
2	Chi khoa học và công nghệ	390.000		390.000	-			-		-
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.033.000		4.033.000	1.472.210,64	681.925	790.285,64	36,50		19,60
4	Chi văn hóa thông tin	1.528.000		1.528.000	304.350,20		304.350,20	19,92		19,92
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300.000		300.000	-		-	-		-
6	Chi thể dục thể thao	355.000		355.000	51.213,14		51.213,14	14,43		14,43
7	Chi bảo vệ môi trường	3.052.000		3.052.000	120.767,25	120.767,25		3,96		-
8	Chi các hoạt động kinh tế	16.415.000		16.415.000	7.830.836,60	3.696.057	4.134.779,60	47,71		25,19
9	Chi an ninh - quốc phòng	6.348.000		6.348.000	1.638.106,00		1.638.106,00	25,81		25,81
10	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể, HĐND	29.102.000		29.102.000	9.232.978,96	91.951	9.141.027,96	31,73		31,41
11	Chi bảo đảm xã hội	30.589.000		30.589.000	8.623.485,82	720.188,70	7.903.297,12	28,19		25,84
12	Chi khác	912.000		912.000	-					
13	Dự phòng ngân sách	3.721.000		3.721.000	-					